

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP

3 LỜI DẪN NHẬP: (B1-B29) MÁY THUẬT NGỮ THEN CHÓT:

“Lời dẫn nhập” thực sự đưa ta bước vào chủ đề và kế hoạch nghiên cứu của tác phẩm. Trong ấn bản B (lần xuất bản thứ hai), Lời dẫn nhập được mở rộng về phạm vi (7 mục thay vì 2 mục như trong bản A) lần về nội dung. Những mục được bổ sung này hầu như được trích nguyên văn từ quyển “Sơ luận” (Prolegomena) năm 1783.

Mục đích của Lời dẫn nhập là giới thiệu ý tưởng hay ý niệm (Idee) về một **môn khoa học đặc biệt** (B24) đúng nghĩa với nhan đề “Phê phán lý tính thuần túy”, là xác định nguồn gốc, phạm vi và ranh giới của nhận thức con người xuất phát từ đặc điểm của “lý tính thuần túy” là quan năng chứa đựng những nguyên tắc giúp ta nhận thức sự vật một cách **hoàn toàn tiên nghiệm (schlechthin a priori)**, tức là, độc lập với **mọi** kinh nghiệm. Vì thế, môn khoa học về chính bản thân lý tính thuần túy phải trả lời câu hỏi: yêu sách đòi nhận thức một cách “hoàn toàn tiên nghiệm” như thế có thể có không? Nếu có, làm sao chứng minh cơ sở “chính đáng” của nó? Và nhất là, loại nhận thức ấy có thể **đi xa đến đâu** hay nói cách khác: **ranh giới của nhận thức tiên nghiệm cũng chính là ranh giới của nhận thức bằng lý tính thuần túy**. Những câu hỏi ấy **quy về một** câu hỏi căn bản: có thể có “**phán đoán tổng hợp tiên nghiệm**” hay không, hoặc **triển khai ra** thành bốn câu hỏi:

1. Làm thế nào toán học thuần túy có thể có được? (B20)
2. Làm thế nào khoa học tự nhiên thuần túy có thể có được?
3. Làm thế nào Siêu hình học như khuynh hướng tự nhiên có thể có được? (tức: từ đâu nảy sinh những câu hỏi do lý tính thuần túy tự đặt ra từ bản tính tự nhiên của lý trí con người nói chung?). Nhưng, vì chưa thể xuất phát từ Siêu hình học như từ một khoa học được khẳng định (như toán học và khoa học tự nhiên) nên câu hỏi trở thành:
4. Làm thế nào Siêu hình học có thể có được **như một khoa học**?

Nếu toán học và khoa học tự nhiên thực sự chứa đựng những “phán đoán tổng hợp tiên nghiệm” thì việc chứng minh **những điều kiện cho khả thể** của chúng cũng đồng thời chứng minh **những điều kiện cho khả thể** trở thành khoa học của Siêu hình học.

Một môn triết học không nghiên cứu những lãnh vực đối tượng nhất định (như toán học và khoa học tự nhiên), trái lại chỉ nghiên cứu **những điều kiện cho khả thể nhận thức của ta** về đối tượng, nhất là khả thể nhận thức **tiên nghiệm**, được Kant dành cho tên gọi đặc biệt là “**triết học-siêu nghiệm**” (**Transzendental-Philosophie**) (B27), cũng như nhận thức của ta về **phương cách** nhận thức “tiên nghiệm” này được gọi là “**nhận thức siêu nghiệm**”. Để xây dựng môn học đặc biệt này, hay nói khác đi, để giải quyết câu hỏi căn bản nói trên, trước hết cần làm rõ mấy khái niệm then chốt: “**tiên nghiệm-hậu nghiệm**”, “**phân tích-tổng hợp**”, “**tổng hợp tiên nghiệm**” và “**siêu nghiệm**”.

3.1 Kant lý giải phương cách nhận thức của toán học, khoa học tự nhiên và cả của Siêu hình học với tư cách là các môn học của lý tính bằng sự phân biệt sau:

- các **nhận thức** có giá trị một cách tiên nghiệm hoặc hậu nghiệm.
- các **phán đoán** có tính tổng hợp hoặc phân tích.

ý nghĩa nhận thức luận và khoa học luận về hai sự phân biệt này đã gây ra các cuộc tranh luận sôi nổi, đến nay vẫn còn tính thời sự và vẫn chưa ngã ngũ.

3.2 Tiên nghiệm – Hậu nghiệm:

3.2.1 Về **mặt thời gian**, mọi nhận thức đều **bắt đầu** bằng kinh nghiệm. (từ gốc Hy Lạp: **empeiria**, từ đó có tính từ “**thường nghiệm**”: **empirisch** hay **empirique/empirical** trong tiếng Pháp/Anh chỉ cái gì thuộc về kinh nghiệm, dựa vào kinh nghiệm, một tính từ được Kant dùng thường xuyên trong sách này). Nhớ lại Lời Tựa 1, ta thấy Kant tán thành phái duy nghiệm về mặt này, đặc biệt đồng ý với sự phê bình của Locke đối với thuyết các ý niệm bẩm sinh của Descartes. Thực ra, các nhà duy lý như Leibniz, Wolff chắc hẳn cũng không phản đối rằng **ít ra về mặt thời gian**, không thể có nhận thức nếu không có “các đối tượng tác động đến các giác quan để một phần tạo ra các biểu tượng, phần khác khởi động giác tính của ta làm việc so sánh, nối kết, tách rời các biểu tượng ấy, tức là chuyển chất liệu còn thô của các ấn tượng cảm tính thành tri thức về đối tượng được ta gọi là kinh nghiệm”. (B1).

Nhưng “**bắt đầu**” không có nghĩa là “**bắt nguồn**”: từ việc đi trước về thời gian không thể suy ra rằng không có nguồn nhận thức nào khác ngoài kinh nghiệm. Kant cho rằng Locke và phái duy nghiệm đã tổng quát hóa quá sớm. Theo ông, sự bắt đầu về thời gian hoàn toàn có thể kết hợp với một “giả thuyết” đáng nghiên cứu, đó là: “bản thân nhận thức thường nghiệm là một sự kết hợp những gì ta nhận được từ ấn tượng và những gì **do quan năng nhận thức tự mang lại** (còn các ấn tượng cảm tính chỉ tạo cơ hội cho chúng khởi động)” (nt).

Với “phỏng đoán” này, Kant bắt một nhịp cầu giữa duy nghiệm và duy lý.

3.2.2 Nhận thức “độc lập với kinh nghiệm và với bản thân mọi ấn tượng của giác quan” (B2) ấy được Kant gọi là “**tiên nghiệm**” (**a priori**, từ gốc la tinh: prior: có trước). Chữ “**tiên nghiệm**” rất hệ trọng đối với Kant nên ông cần thận nhắc ta đừng lẫn lộn với chữ “biết trước” trong ngôn ngữ hàng ngày. Ví dụ của ông: Ta “biết trước” ngôi nhà sẽ đổ nếu bị đào móng là dùng chữ “biết trước” hay “tiên nghiệm” không theo nghĩa chặt chẽ, vì sự biết trước này thực ra cũng bắt nguồn từ kinh nghiệm (“vật nặng không có chỗ tựa sẽ đổ”).

“**Tiên nghiệm**” **đúng nghĩa** là hoàn toàn độc lập với **mọi** kinh nghiệm. Còn ngược lại là “**hậu nghiệm**” (**a posteriori**, từ gốc la tinh: post: có sau), tức nhận thức có được nhờ kinh nghiệm, hay nói cách khác, có nguồn gốc “thường nghiệm”.

Phê phán thuyết duy nghiệm và nhằm tìm ra cơ sở cho nhận thức thuần lý của lý tính, Kant chỉ quan tâm phát hiện những nhận thức “tiên nghiệm thực

sự”, “không bị pha trộn với chút gì là thường nghiệm cả”. Nếu tìm được thì – theo ông – sẽ chứng minh giả định về “cách mạng Copernic” của ông là đúng đắn.

- 3.2.3 Theo Kant, không chỉ **một số** phán đoán mà cả **một số** khái niệm thực sự có “nguồn gốc tiên nghiệm” (B5). Ở đây, ông chỉ nêu ví dụ về phán đoán nhân quả và các khái niệm về “không gian”, “bản thể, tùy thể” (B5, B6) nhưng ta sẽ thấy tất cả những khái niệm và phán đoán ấy sẽ được trình bày và chứng minh như những “mô thức trực quan thuần túy tiên nghiệm” (không gian-thời gian) trong phần Cảm năng học siêu nghiệm và như những “phạm trù” của giác tính trong phần Lô-gíc học siêu nghiệm.
- 3.2.4 Nhưng làm sao phân biệt được nhận thức tiên nghiệm với nhận thức hậu nghiệm? Ông đưa ra hai đặc điểm mà xưa kia Platon và Aristote (xem Aristote: “Phân tích pháp” II, chương I2) đã dùng để phân biệt tri thức thực sự (episteme) và tư kiến (doxa), đó là: **tính tất yếu** (chỉ có thể như vậy chứ không thể khác) và **tính phổ quát (hay phổ biến)** (không cho phép có ngoại lệ nào). Hai đặc điểm này không nhận thức thường nghiệm nào có thể đạt được trọn vẹn. Kant đồng ý với David Hume rằng mọi mệnh đề của sự quy nạp thường nghiệm chỉ có tính phổ biến “tương đối, so sánh” chứ không “đích thực hay chặt chẽ” (B3); chúng có **tính khái quát (Generalität)** chứ **không** có tính **phổ quát (Universalität)**. Nhưng ông không đồng ý với Hume khi cho rằng không thể có nhận thức mang tính phổ quát và tất yếu chặt chẽ. Ông nêu các ví dụ: “mọi mệnh đề của toán học” (B4) và phán đoán của “việc sử dụng giác tính bình thường nhất rằng mọi sự biến đổi đều phải có một nguyên nhân” (B5). Vậy, nhận thức nào có được hai đặc điểm nói trên (phổ quát và tất yếu), ta biết ở đó có mặt của cái “thực sự tiên nghiệm”.
- 3.2.5 Những ví dụ về nhận thức tiên nghiệm nói trên đều nằm trong “lĩnh vực của mọi kinh nghiệm khả hữu”, bởi vì chúng là những điều kiện không-thường nghiệm hay tiền-thường nghiệm cho khả thể nhận thức thường nghiệm. Nếu “kinh nghiệm” là sự “kết hợp” giữa những ấn tượng cảm tính với những gì do bản thân quan năng nhận thức của ta tự mang lại, tức với cái tiên nghiệm, như giả thuyết đã nêu (xem 3.2.1), thì những nhận thức tiên nghiệm ấy chỉ là những điều kiện để nhận thức **chính những đối tượng** của kinh nghiệm ấy mà thôi. Vậy, theo Kant, tri thức tiên nghiệm (không-thường nghiệm) là tri thức về cấu trúc nền tảng có tính mô thức (formale Grundstruktur) để nhận thức đối tượng, vì lẽ bất kỳ đối tượng nào cũng tất yếu phải tương ứng với những “điều kiện ấy của khả thể của kinh nghiệm” trong chừng mực đó là đối tượng trong phạm vi kinh nghiệm của ta.

Trước Kant, **Descartes** đã quay về tìm hiểu năng lực nhận thức của chủ thể và lấy sự xác tín của Tự-ý thức (Cogito: tôi tư duy) làm tiêu chuẩn của mọi tri thức. **Locke** cũng đã làm như thế khi đề ra học thuyết về những nội dung cơ bản và phương cách tiến hành nhận thức của giác tính con người. Kant kế thừa Descartes và Locke, nhưng đi xa hơn ở điểm then chốt: chứng minh rằng “những điều kiện [tiên nghiệm] của nhận thức cũng đồng thời là những điều kiện [hình thành] **những đối tượng** của nhận thức, theo tinh thần “cách mạng tư duy” như ta đã biết: không phải nhận thức hướng theo đối tượng mà

đối tượng (trong chừng mực ta nhận thức được chúng, tức trong phạm vi kinh nghiệm) hướng theo những điều kiện của nhận thức (xem lại BXVI), tức theo những điều kiện do ta “đặt vào” trong đối tượng một cách tiên nghiệm (xem thêm: Chú giải 8.3.5.4).

Tuy chưa đi vào phần chứng minh, nhưng ngay trong Lời dẫn nhập này, ta đã biết rằng theo Kant, nhận thức **tiên nghiệm** (không-thường nghiệm) **không** phải là nhận thức về những đối tượng **nằm bên ngoài** kinh nghiệm, tức về những đối tượng **siêu việt** (Thượng đế, Tự do, Linh hồn) của Siêu hình học cổ truyền. Trái lại, nó là nhận thức về những quy luật phổ biến nhất mà mọi đối tượng của **kinh nghiệm khả hữu** phải phục tùng, trong chừng mực những quy luật này được xác định một cách tiên nghiệm bởi những điều kiện **chủ quan** của nhận thức. Nói cách khác, dựa vào những trực quan **tiên nghiệm** của cảm năng và những khái niệm **tiên nghiệm** của giác tính, ta có thể tạo nên những phán đoán **tổng hợp** có giá trị **tiên nghiệm** cho mọi đối tượng của kinh nghiệm khả hữu. Nhưng trước khi làm quen với phán đoán “tổng hợp tiên nghiệm” này, cần phân biệt giữa phán đoán tổng hợp và phán đoán phân tích ⁽¹⁾.

(1) Phần “Chú giải dẫn nhập” tự giới hạn trong việc tìm hiểu sơ bộ tác phẩm, nên không thể đi sâu vào cuộc thảo luận chung quanh những vấn đề do Kant đặt ra. Riêng đối với vấn đề nhận thức tiên nghiệm, ngay từ 1784, **Hamann** trong “Siêu phê phán về cái Thuần túy của lý tính” (Metakritik über den Purismus der Vernunft) đã không thừa nhận có cái “thuần túy” trong lý tính và tương đối hoá cái “tiên nghiệm” trong quan hệ với cấu trúc ngôn ngữ. Năm 1867, **Adolf Trendelenburg** phê phán “khiếm khuyết” trong chứng minh của Kant về tính tiên nghiệm của không gian-thời gian (theo đó, Kant đã không chứng minh được tại sao “vật-tự thân” không có bản tính không gian thời gian) và nổi tiếng với tên gọi “lỗ hổng Trendelenburg” (Über eine **Lücke** in Kants Beweis von der ausschliessenden Subjectivität des Raumes und der Zeit”, trong Historische Beiträge zur Philosophie, B13, Berlin 1867, trang 215-276). Gần đây, **R. Rorty** (1970) và nhất là **W.V.O. Quine** (“Two Dogmas of Empiricism” 1953) cho rằng sự phân biệt giữa “tiên nghiệm và thường nghiệm”, giữa “phân tích và tổng hợp” là không đứng vững, cũng như không thể xuất phát từ những điều kiện của kinh nghiệm để suy ra đặc điểm của những đối tượng của kinh nghiệm. Những ý kiến phản bác cũng như bên vực Kant chung quanh vấn đề này còn rất nhiều và trải rộng trên nhiều hướng mà ở đây chúng ta chỉ có thể nhắc sơ qua một số tên tuổi:

- tương đối hoá “cái tiên nghiệm” từ nghiên cứu về ngôn ngữ (Herder, Humboldt, và ngày nay với Kuhn, Feygerabend, Sapir, Wittgenstein, Whorf...)
- lý giải “cái tiên nghiệm” từ giác độ Nhân loại học và Sinh vật học (Schopenhauer, Hemholz, Nietzsche, H. Spencer, Konrad Lorenz...)
- tiếp thu và cải biến “cái tiên nghiệm” (và “cái siêu nghiệm”):
 * từ giác độ “Văn hóa học”, “Hiện tượng học”, “Giải minh học” (Hermeneutik) và “Ngữ dụng học” (Sprachpragmatik): Dilthey, Husserl, Heidegger, K.O. Apel...

3.3 Phân tích-Tổng hợp:

Cặp khái niệm “tiên nghiệm-hậu nghiệm” phân biệt **nguồn gốc** của nhận thức, còn cặp “phân tích-tổng hợp” xem xét **cơ sở** cho tính chân lý của một **phán đoán**: Cơ sở cho việc nối kết giữa chủ ngữ và vị ngữ trong phán đoán là nằm bên trong hay bên ngoài chủ thể nhận thức? Phán đoán được Kant xét ở đây không theo nghĩa tâm lý học, tức hành vi phán đoán, mà chỉ theo nghĩa lô-gíc, tức những mệnh đề hay các khẳng định nối kết (tổng hợp) các biểu tượng nhằm nói lên một nội dung có giá trị khách quan. Về mặt ngôn ngữ, phán đoán có cấu trúc “chủ ngữ-vị ngữ”. Trong thực tế, có những phán đoán không mang cấu trúc này nên ta cần hiểu theo nghĩa rộng.

3.3.1 Kant gọi là phán đoán **phân tích** khi vị ngữ đã ẩn chứa sẵn trong chủ ngữ (B10), hoặc theo nghĩa đồng nhất (lô-gíc), vd: “Người độc thân là kẻ không lập gia đình”, “Người thất học là kẻ chưa được học”; hoặc theo nghĩa là một khái niệm **bộ phận** với tư cách là một đặc điểm lô-gíc, nghĩa là nếu phủ nhận sẽ phạm phải mâu thuẫn, vd: “Mọi vật thể đều có quảng tính”... Những phán đoán này đều tất yếu và phổ biến, nên đều là những phán đoán tiên nghiệm. Ai cũng có thể lập gia đình, nhưng người độc thân thì không! Tất nhiên không ai cấm anh ta – hay chị ta – lập gia đình cả, nhưng nếu vậy sẽ không còn là “độc thân” nữa!. Vậy, tính chân lý của phán đoán phân tích hoàn toàn dựa vào các quy luật lô-gíc hình thức, tuy có tính tất yếu lô-gíc nhưng **không mang lại tri thức gì mới mẻ cả**, nên còn được gọi là **“phán đoán giải thích”**. (Chú ý: dù phán đoán phân tích có thể có nội dung thường nghiệm, vd: “người độc thân” nói trên, nhưng ta không cần dùng kinh nghiệm để kiểm chứng mà chỉ cần dựa vào các qui luật lô-gíc. Tính phân tích không liên quan đến các quy tắc về ý nghĩa, chỉ liên quan đến quan hệ “chủ ngữ-vị ngữ” nên Leibniz từng xem phán đoán phân tích là đúng và có giá trị trong “mọi thế giới khả hữu”!)

3.3.2 Phán đoán **tổng hợp** thì ngược lại, bao gồm nhiều phán đoán **đến từ kinh nghiệm**: vd: “ông hàng xóm của tôi là một viên chức già đã về hưu rất khá ái”. Các vị ngữ “viên chức”, “già”, “về hưu”, “rất khá ái” không thể được rút ra một cách “tất yếu và phổ biến” từ chủ ngữ “ông hàng xóm” mà được thêm vào, vì vậy là **tổng hợp**, gia tăng tri thức thường nghiệm, nên còn được gọi là **“phán đoán mở rộng”**. Phân biệt như trên không có gì khó, vấn đề là: phán đoán phân tích thì tiên nghiệm nên tất yếu và phổ biến nhưng không mở rộng kiến thức⁽¹⁾; phán đoán tổng hợp mở rộng kiến thức nhưng chỉ có thể

* từ giác độ “Lý luận xã hội”: G. Lukács, trường phái Frankfurt, Habermas...

(Xem: Thư mục tham khảo chọn lọc).

⁽¹⁾ Đó là nói một cách chặt chẽ, chứ trong thực tế, việc tháo rời và phơi mở các nội dung tiềm ẩn trong chủ ngữ cũng “mở rộng” nhận thức của ta không ít. Kết luận của một suy luận diễn dịch đơn giản: “Mọi người đều có thể sai lầm; mọi triết gia

dựa vào kinh nghiệm, tức có giá trị hậu nghiệm, không thể tất yếu và phổ biến. Thế lưỡng nan ấy buộc Kant phải đặt câu hỏi quan trọng: có loại phán đoán nào vừa mở rộng tri thức, lại vừa tất yếu và phổ biến để xứng danh là **tri thức khoa học**⁽¹⁾? Nói gọn: Có thể có “**phán đoán tổng hợp tiên nghiệm**” không? Theo Kant, đây là câu hỏi then chốt, quyết định “số phận” của khoa học và cả của Siêu hình học. Để dễ hình dung, ta thấy sự phân biệt “tiên nghiệm-hậu nghiệm” và “phân tích-tổng hợp” ở trên chỉ có thể mang lại 4 khả năng kết hợp:

- a- phán đoán phân tích tiên nghiệm (có)
- b- phán đoán phân tích hậu nghiệm (không thể có)
- c- phán đoán tổng hợp hậu nghiệm (có)
- d- phán đoán tổng hợp tiên nghiệm (?)

Kant khẳng định là không chỉ tìm thấy loại phán đoán đặc biệt này một cách hiển nhiên ở trong nhận thức thông thường lẫn ở trong các khoa học, mà còn lý giải được **cơ sở** của nó nữa.

3.3.3 Kant nêu một ví dụ trong nhận thức thông thường và 2 ví dụ trong khoa học:

- Trong nhận thức thông thường: Mệnh đề: “Tất cả những gì diễn ra đều có nguyên nhân” (B13). Mệnh đề này, hay nói cách khác, nguyên tắc nhân quả không chỉ là tiên nghiệm mà còn là “**tổng hợp tiên nghiệm**”, vì lẽ: khái niệm “nguyên nhân” vừa **không** phải là một đặc điểm lô-gíc của khái niệm “những gì xảy ra” vừa **không** phải là thuộc tính **thường nghiệm** đã được ẩn chứa sẵn trong khái niệm “những gì xảy ra”. Thế nhưng, khái niệm nguyên nhân không chỉ **thuộc về (gehörig)** mà còn **tất yếu** thuộc về khái niệm “những gì xảy ra”. Nói khác đi: sự nối kết (tổng hợp) **tất yếu** này giữa chủ ngữ và vị ngữ **không** phải là một tất yếu **lô-**

đều là con người; vậy: mọi triết gia đều có thể sai lầm” không phải triết gia nào cũng biết! Vì thế, **G. Frege** đưa ra nhiều ví dụ cho thấy chân lý toán học được rút ra bằng con đường phân tích và diễn dịch vẫn có thể mở rộng nhận thức của ta và cho rằng việc xem thường khá phổ biến đối với những phán đoán phân tích cũng như huyền thoại về tính vô bổ của môn Logic học thuần túy là không thể đứng vững”. (**G. Frege, Grundlagen der Arithmetik/Các cơ sở của môn Số học**, §17, 24). Từ nhận định ấy, **Frege** – cha đẻ của môn Lô-gíc toán – mở đường cho trào lưu “**Triết học phân tích**” (**Analytic Philosophy**) hiện đại, theo đó nhiều khái niệm cơ bản (vd: con người, tồn tại, chân lý, ý thức, sự Thiện v.v..) không thể được “**định nghĩa**” một cách minh nhiên (nếu không muốn rơi vào lẩn quẩn) mà chỉ có thể “**giải thích**” một cách mặc nhiên những gì được chứa đựng trong các khái niệm ấy, qua đó mở rộng nhận thức của ta về nội dung khái niệm.

(1) **Chú ý:** Kant vẫn còn tuân theo mô hình “**khoa học**” đương thời, bắt nguồn từ **Aristote** (Siêu hình học, I) theo đó chỉ là “**khoa học**” (Hy Lạp: **episteme**) đúng nghĩa khi có tính phổ quát, tất yếu và bất biến, trái với “**lịch sử**” (**historia**) chỉ là tri thức về cái cá biệt, bất tất, gắn liền với “**kinh nghiệm xuất phát từ dữ liệu**” (**empeiria, ex datis**). Xem thêm B863-864.

gíc. Vậy, sự tổng hợp tiên nghiệm (tất yếu) ấy từ đâu mà ra? Hay theo cách nói của Kant: “Làm thế nào có thể có được?”.

- Trong khoa học, trước hết là toán học:
 - trong **số học**, mệnh đề $7+5=12$ đúng một cách tiên nghiệm vì đáp số của nó là phổ quát và tất yếu. Tuy vậy, nó không phải là phân tích vì trong số 12 không nhất thiết ẩn chứa 7 và 5 mà vẫn có thể là 4 và 8, do đó có tính tổng hợp ⁽¹⁾.
 - trong **hình học**, mệnh đề “Đường thẳng là đường ngắn nhất giữa hai điểm” cũng vậy. Từ “thẳng” chỉ nói lên “tính thẳng” chứ không chứa đựng một cách phân tích các khái niệm “điểm” và “ngắn”, vì thế là phán đoán tổng hợp song đúng một cách tiên nghiệm. Kant khái quát: “**Mọi phán đoán toán học đều là có tính tổng hợp**” (tiên nghiệm) (B14) ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Thật ra, để hiểu lý do tại sao Kant đi ngược lại với cả Descartes, Leibniz (duy lý) lẫn Locke (duy nghiệm) khi cho rằng những mệnh đề toán học đều có tính “tổng hợp”, ta cần hiểu quan niệm của ông về nhận thức toán học là nhận thức bằng việc **cấu tạo khái niệm ở trong trực quan thuần túy** (khái niệm toán học + trực quan thuần túy = đối tượng toán học) (xem: B741). Chung quanh vấn đề: các mệnh đề toán học (và khoa học tự nhiên “thuần túy”) là phân tích hay tổng hợp, tiên nghiệm hay hậu nghiệm, có nhiều ý kiến tranh luận trái ngược nhau:

- là phân tích (và không có tính “trực quan”): Frege, David Hilbert, B. Russel, R. Carnap...
- là tổng hợp: J. Brouwer, Paul Lorenzen, J. Hintikka, Brittau, K. Lambert, C. Parsons... (tiếp trang sau).
- là hậu nghiệm hay quy ước: A. Einstein, H. Poincaré...

Đặc biệt, **Hegel**, khi nghiên cứu về nhận thức phân tích (“**Khoa học Lô-gíc**”, II, trang 502) đã bác ý kiến của Kant cho rằng các mệnh đề toán học như $7 + 5 = 12$ là có tính tổng hợp. Theo Hegel, chúng đều có **tính phân tích** và nhất thiết phải như thế, bởi chúng không chứa đựng yếu tố “**khái niệm**” (được trung giới, vermittelt) nào cả. Là những con số, chúng là “thuần túy trừu tượng” như mọi cái gì thuộc về “**Lượng**”, nên không thể đặt vấn đề $7 + 5$ và 12 có cùng hoặc không cùng “**một nội dung**”, bởi chúng không mang “nội dung” nào cả. Bên cạnh “thành kiến” xem thường mọi “chân lý toán học” vì tính trừu tượng, không nội dung của chúng, lập luận của Hegel ở đây cũng đáng chú ý: $7 + 5 = 12$ chỉ có nghĩa là: khi ta có 7 và thêm vào đó 5 lần 1, ta có 12; vậy $7 + 5$ không phải là “tính quy định” (Bestimmung) có thể bao hàm hoặc không bao hàm 12, trái lại, nó chỉ đơn thuần là “con toán” cộng 5 vào với 7. Nếu tiến hành đúng “thuật toán” này, ta sẽ có đáp số đúng; ở đây không có gì là “**tổng hợp**” theo nghĩa của Kant cả, vì kết quả “12” không gì khác hơn là sự “**tiếp tục đơn thuần của cùng một thao tác**” (“cộng dồn vào với nhau” – “Zusammenzählen”). Thao tác này không mang lại “định lý” (Lehrsatz) nào cả mà chỉ đơn thuần là một “**bài toán**” (Aufgabe) (Sđd. tr. 507).

- trong **vật lý học**: các nguyên tắc nền tảng của vật lý học (cổ điển) có tính tổng hợp tiên nghiệm (vd: các nguyên tắc bảo tồn vật chất, về sự ngang bằng nhau của lực và phản lực, định đề thứ ba của Newton...), phần còn lại là tổng hợp hậu nghiệm.

Vậy, theo Kant, tính khoa học của toán học và khoa học tự nhiên (thuần túy) đã được thực tế chứng minh, và sẽ được lý giải về mặt triết học trong Phần đầu của quyển *Phê phán (Cảm năng học siêu nghiệm và Phân tích pháp các nguyên tắc)*. (Điều đáng chú ý là ở đây Kant chỉ xét toán học và khoa học tự nhiên dưới góc độ là những khoa học thuần lý và dưới mắt Kant, chúng là các khoa học thuần lý “đích thực”. Kant không (đúng ra là chưa) đề cập đến các ngành khoa học “nhân văn” và “xã hội” theo nghĩa rộng của chúng ta ngày nay. Điều này dễ hiểu vì ở thời Kant, các khoa học nhân văn-xã hội còn ít phát triển (các vấn đề: đạo đức, mỹ học, lịch sử, xã hội và pháp quyền sẽ được Kant bàn ở các tác phẩm khác) và nhất là từ quan điểm thịnh hành đương thời: chỉ là “khoa học đích thực” khi chúng mang lại chân lý tất yếu và hiển nhiên (apodiktisch) và thế giới hiện thực, khách quan – trái với thế giới chủ quan – là thống nhất với thế giới của toán học và khoa học tự nhiên thuần túy).

- 3.4 Trở lại vấn đề, ta thấy mục đích của Kant ở đây không phải là phân biệt phán đoán phân tích và phán đoán tổng hợp nói chung mà **chủ yếu** là phân biệt ngay bên trong hàng ngũ những phán đoán **tiên nghiệm**: tức giữa phán đoán phân tích (tiên nghiệm, lô-gíc) với phán đoán **tổng hợp** tiên nghiệm để phát hiện **cơ sở** khả thể của chúng. Nếu phán đoán phân tích có cơ sở (hay chỗ dựa) là sự tất yếu lô-gíc nơi **bản thân** khái niệm về đối tượng; phán đoán tổng hợp (hậu nghiệm) có chỗ dựa là kinh nghiệm, thì đâu là chỗ dựa của phán đoán tổng hợp tiên nghiệm? “**Cái X vô danh**” (B13) mang lại tính tất yếu và phổ biến **cho kinh nghiệm** chính là những điều kiện **chủ quan** cho khả thể của kinh nghiệm. “**Cơ sở chứng minh duy nhất khả hữu**” (“**einzig murglicher Beweisgrund**” (xem thêm B816) cho phán đoán tổng hợp tiên nghiệm chỉ có thể tìm thấy nơi những điều kiện (chủ quan) nhưng có giá trị khách quan đối với những đối tượng của kinh nghiệm (như ta sẽ thấy, đó là các mô thức trực quan – không gian/thời gian – của cảm năng và các phạm trù của giác tính).

Ngoài ra, việc phân biệt giữa phán đoán phân tích và phán đoán tổng hợp của Kant cũng trở thành một đề tài tranh luận lớn. Tựu trung xoay quanh câu hỏi liệu có thể và làm thế nào xác định **ranh giới** giữa chúng. Chẳng hạn ví dụ của Kant về phán đoán phân tích: “Mọi vật thể đều có quảng tính, có hình thể và có tính không thể thâm nhập”, và về phán đoán tổng hợp: “Mọi vật thể đều có sức nặng”. Ai xác định và xác định trong điều kiện nào những thuộc tính ấy? Chúng mực nào chúng là “tiên nghiệm”, chúng mực nào là “hậu nghiệm? Chúng là thuộc tính “lô-gíc” hay thuộc tính “từ nghĩa” (semantisch)? (Xem: **W.V.O.Quine**: *Two Dogmas of Empiricism*, 1953 và **Morton. G. White**: “The Analytic and the Synthetic: an untenable Dualism”, 1949, trong: *Semantics and the Philosophy of language. A collection of Readings*, Urbana 1952).

Một lần nữa, với việc xác định cấu trúc của phán đoán tổng hợp tiên nghiệm, Kant vừa bác bỏ thuyết duy lý lẫn duy nghiệm. Thật vậy, ta biết rằng **Leibniz** (duy lý) phân chia mọi phán đoán ra thành “những chân lý của lý tính” (*vérités de raison*) và “những chân lý của sự kiện” (*vérités de fait*) và không hề nghi ngờ rằng mọi chân lý lý tính đều dựa trên nguyên tắc loại trừ mâu thuẫn (lô-gíc), còn mọi chân lý sự kiện dựa trên nguyên tắc nguyên nhân đầy đủ (nguyên tắc túc lý). Còn **Hume** (duy nghiệm) chia mọi phán đoán ra thành “những sự kiện” (“*matters of fact*”) và “những quan hệ của tư tưởng” (“*relations of ideas*”). Phê phán của Kant đối với **Leibniz** và **Hume** là: cả hai đã giới hạn lãnh vực của phán đoán tiên nghiệm vào những phán đoán **phân tích** và giới hạn lãnh vực của phán đoán tổng hợp vào những phán đoán **thường nghiệm** (hậu nghiệm).

Chẳng hạn, đối với nguyên tắc nhân quả (dưới hình thức phán đoán **tổng hợp tiên nghiệm** tiêu biểu: “Mọi sự việc diễn ra đều có nguyên nhân”), Kant đứng về phía Hume để chống lại nỗ lực của Wolff (trường phái Leibniz) muốn dẫn xuất (rút ra) nguyên tắc nguyên nhân đầy đủ từ nguyên tắc mâu thuẫn (lô-gíc) (xem: C. Wolff: *Prima philosophia* §70), tức là, biến **nguyên tắc nhân quả thành một phán đoán phân tích**. Nói cách khác, Kant phát hiện **ngộ nhận** căn bản của phái duy lý (và cũng là của **Siêu hình học cổ truyền**) là ở chỗ tưởng rằng sở dĩ mọi phán đoán đúng một cách tiên nghiệm đều là do đúng về mặt lô-gíc (phân tích). Họ lẫn lộn phán đoán phân tích với phán đoán tổng hợp tiên nghiệm, hay nói đúng hơn, chưa biết đến phán đoán **tổng hợp** tiên nghiệm. Mặt khác, Kant đứng về phía **Leibniz** để phản đối việc Hume lý giải quan hệ nhân quả chỉ là “thói quen” liên tưởng những “tư tưởng” thường nghiệm, qua đó phủ nhận và **“làm mất sạch”** (B5) ý nghĩa về mối quan hệ **tất yếu** giữa nguyên nhân và hậu quả.

Nỗ lực của Kant là cho thấy rằng sự mất mát ấy là không thể chấp nhận được, bởi nó sẽ phá hủy cơ sở của nhận thức “khoa học”. Song, để chứng minh thì không thể chỉ **“khẳng định yêu sách”** rằng nguyên tắc nhân quả có giá trị như một phán đoán tổng hợp tiên nghiệm (“yêu sách” mà bản thân Hume cũng không phủ nhận), trái lại, phải cho thấy “yêu sách” ấy là **“chính đáng”** (*legitim*). Kant đặt câu hỏi: Phải chăng phán đoán **tổng hợp** rằng “Mọi sự việc đều có nguyên nhân” là có giá trị (đúng) một cách **tiên nghiệm**? Câu trả lời khẳng định cho câu hỏi này **đồng thời** bao hàm sự giải thích tại sao nó **có thể** như thế, nghĩa là, nó đúng trên **cơ sở** nào. Như đã nói, “cơ sở chứng minh duy nhất khả hữu” cho nguyên tắc nhân quả (cũng là cho mọi phán đoán tổng hợp tiên nghiệm nói chung) là: mọi “sự việc xảy ra” trong không gian-thời gian – những đối tượng của kinh nghiệm như Hume nói – phải là những đối tượng **có thể có** của kinh nghiệm, còn sự nối kết nhân quả **tất yếu** giữa chúng – điều mà Hume phủ nhận – là điều kiện của chính khả thể này. Tóm lại, khả thể của phán đoán tổng hợp tiên nghiệm chính là khả thể của nhận thức khoa học trong phạm vi kinh nghiệm.

- 3.4.1 Nhưng đó là kết luận mà Kant sẽ chỉ có thể rút ra sau 300 trang phân tích và chứng minh: ... **“bên ngoài lãnh vực của kinh nghiệm khả hữu, không thể có được các nguyên tắc tổng hợp tiên nghiệm”**. (B305). Như ta đã biết, kết luận này sẽ là cơ sở để giải quyết **“nhiệm vụ chủ yếu”** (B19-24) của công

cuộc Phê phán là xét khả thể của Siêu hình học như một khoa học, hay nói cách khác, để trả lời dứt khoát câu hỏi: có thể có nhận thức khách quan, khoa học (tổng hợp-tiên nghiệm) nằm **bên ngoài** lãnh vực kinh nghiệm như Siêu hình học cổ truyền (tiền-phê phán) đã lắm tướng hay không? Trong phần sau của quyển Phê phán (Biện chứng pháp siêu nghiệm), Kant sẽ xuất phát từ “thực tế hiển nhiên” là có một nền Siêu hình học như “thiên hướng tự nhiên” (metaphysica naturalis) – giống như sự tồn tại hiển nhiên của toán học và khoa học tự nhiên –, nhưng lại có xu hướng tự “đánh lừa” trong quá trình nhận thức. Lý tính con người tưởng rằng có thể mở rộng vô hạn các thành công trong lãnh vực toán học và khoa học tự nhiên ra các đối tượng nằm bên ngoài kinh nghiệm. Nhưng, mọi nỗ lực giải quyết các câu hỏi “rất tự nhiên nhưng hoàn toàn siêu việt ấy” đều là công dã tràng (hay như cách nói của Kant: “sự hoài công của Sysyphus”. Xem XVIII 94) và chỉ đẩy lý tính vào chỗ bế tắc, đầy mâu thuẫn. Các phán đoán chủ yếu của Siêu hình học cổ truyền (“Thượng đế hiện hữu, ý chí là tự do, linh hồn là bất tử”) đều vượt khỏi ranh giới của kinh nghiệm (thế giới cảm tính). Thượng đế không phải là đối tượng của kinh nghiệm “khả hữu” vì không ở trong không gian/thời gian. Tự do cũng thế vì nó không phải là đối tượng có thể quan sát được; còn sự bất tử của linh hồn là trạng thái của sự sống ở bên ngoài thế giới khả giác. Với những đối tượng siêu việt ấy, không có cơ sở cho việc hình thành những “phán đoán tổng hợp tiên nghiệm”⁽¹⁾.

3.4.2 Như vậy, với tư cách là khoa học lý thuyết của lý tính, Siêu hình học, theo Kant, chỉ có thể là **Siêu hình học về kinh nghiệm**, nghĩa là, một học thuyết không-thường nghiệm về những điều kiện không-thường nghiệm của chính khả thể của nhận thức thường nghiệm. Nói cách khác, Siêu hình học tập trung trả lời câu hỏi: **“Làm thế nào để kinh nghiệm có thể có được?”** (“*Wie ist Erfahrung möglich?*”) (xem thêm: XXIII 25). Vì thế, ông viết: “khoa học này [Siêu hình học như một khoa học] cũng có thể không có sự dài dòng lê thê đáng sợ, vì nó không đi vào các **đối tượng** của lý tính mà tính đa tạp là vô tận, nhưng chỉ phải làm việc với chính bản thân nó, tức là với các vấn đề nảy sinh hoàn toàn từ chính trong lòng nó, và không phải do bản tính tự nhiên của những sự vật khác biệt với nó mà do chính bản tính tự nhiên của nó đặt ra. Bởi vì, nếu một khi lý tính trước đó đã nhận biết một cách hoàn chỉnh năng lực của riêng nó đối với các đối tượng có thể xuất hiện ra cho nó trong kinh nghiệm, lý tính sẽ dễ dàng **xác định một cách hoàn chỉnh và chắc chắn**

⁽¹⁾ Chỗ đứng rất khó khăn và tế nhị của **Kant** giữa thuyết duy nghiệm và thuyết duy lý thể hiện rõ ở nỗ lực chứng minh của ông về **“phán đoán tổng hợp tiên nghiệm”**: chúng vừa là “siêu nghiệm” (xem 3.5) tức đi trước kinh nghiệm vừa **đồng thời** phải cần đến mối quan hệ với kinh nghiệm. Ngày nay, nhiều tác giả không tin rằng Kant đã thành công trong việc chứng minh khả thể và tính chất siêu nghiệm của loại phán đoán đặc biệt này. (Xem: cuộc thảo luận chung quanh vấn đề này trong: **Strawson, P.F.: “Die Grenzen des Sinns. Ein Kommentar zu Kants Kritik der reinen Vernunft”/ “Các ranh giới của giác quan. Một chú giải về Phê phán lý tính thuần túy của Kant”, Kumigstein/Ts 1981).**

phạm vi và các ranh giới của việc thử sử dụng lý tính ra bên ngoài mọi ranh giới của kinh nghiệm”. (B23).

Như vậy ý Kant muốn nói: Siêu hình học – với tư cách là một khoa học – sẽ không bàn về các đối tượng của lý tính như trước nay (Thượng đế, Tự do, Linh hồn, Bất tử...) vì điều ấy không thể làm được mà chỉ nghiên cứu về **chính bản thân lý tính** để rút ra các nhận thức tuy có tính tổng hợp tiên nghiệm nhưng **chỉ có giá trị sử dụng trong phạm vi kinh nghiệm**. Vì là các nhận thức tổng hợp tiên nghiệm, nên số lượng của chúng không nhiều, “không dài dòng lê thê đáng sợ”, tuy nhiên là **cơ sở cho mọi nhận thức thường nghiệm**. Theo Kant, chúng là các nhận thức tổng hợp-tiên nghiệm duy nhất mà lý tính tự mình có thể đạt đến được. (Sau này Kant sẽ tiếp tục chứng minh: **ra khỏi** lãnh vực nhận thức lý thuyết, phán đoán tổng hợp-tiên nghiệm sẽ thực sự phát huy tác dụng trong lãnh vực hành động đạo đức của lý tính thực hành thể hiện trong “mệnh lệnh tuyệt đối” – Kategorischer Imperativ–, còn các đối tượng cổ hữu của lý tính trước đây (Thượng đế, Tự do, Bất tử của linh hồn) trở thành các “định đề” của lý tính thuần túy thực hành, chứ không phải các “nhận thức” của lý tính thuần túy lý thuyết nữa. Nhưng đó sẽ là công việc của tác phẩm “Phê phán lý tính thực hành”).

- Đi tìm khả thể của phán đoán tổng hợp-tiên nghiệm **“trong phạm vi kinh nghiệm”**, Kant đề nghị ta hãy “xem mọi nỗ lực xây dựng Siêu hình học theo cách giáo điều cho đến nay như thể không hề tồn tại” nhằm “thay đổi phương pháp, đưa cách làm mới khác hẳn với cách làm trước nay” (B23-24). Đề án nghiên cứu mới hướng tới một nền triết học mới ấy được Kant đặt một tên gọi chung là **“TRIẾT HỌC SIÊU NGHIỆM” (TRANSCENDENT-TALE PHILOSOPHIE)**, một từ then chốt khác nữa mà bây giờ ta cần hiểu rõ để mở cánh cửa đi vào toàn bộ triết học Kant.

3.5 Nhận thức Siêu nghiệm – Phê phán siêu nghiệm – Triết học siêu nghiệm:

- 3.5.1 Thuật ngữ **“siêu nghiệm”** dễ gây hiểu lầm. Trước hết cần phân biệt nó với **“siêu việt” (transzendent)**, tuy cả hai đều bắt nguồn từ động từ la-tinh **“transcendere”**, nghĩa là “vượt ra khỏi một giới hạn”. Nhưng nếu “siêu việt” chỉ một thế giới nằm bên ngoài thế giới kinh nghiệm của ta (vd: khái niệm về Thượng đế, về tính vô tận, vô lượng...), thì – theo Kant, thế giới “bên kia” hay “siêu nhiên”, “siêu cảm tính” này không thể là một đối tượng khách quan để có thể mang lại cho ta nhận thức có giá trị trong phạm vi lý thuyết. **“Siêu nghiệm”** cũng có ý nghĩa vượt ra khỏi kinh nghiệm. Nhưng thay vì vượt ra khỏi theo hướng **đi lên** như “siêu việt”, ta có thể hình dung **“siêu nghiệm”** là theo hướng **“đi xuống”** hay **“đi lùi”** lại.

Trong lãnh vực lý thuyết, Kant không đi tìm thế giới “bên kia” như triết học cổ truyền. Ông muốn đi tìm **những điều kiện tạo nên kinh nghiệm nhưng lại có trước kinh nghiệm**. Thay vì tìm cách nhận thức một thế giới khác, ông muốn có nhận thức nguyên thủy về thế giới này và về nhận thức khách quan của ta. Nói cách khác, Kant đi tìm cấu trúc bề sâu có giá trị tiên-thường nghiệm của mọi kinh nghiệm mà ông phỏng đoán rằng nằm ngay trong chủ thể nhận thức theo tinh thần cách mạng Copernic. Vậy, phê phán lý tính đi lùi lại để phát hiện các yếu tố tiên nghiệm kiến tạo nên chủ thể tính

của nhận thức lý thuyết. Nói gọn, “Phê phán siêu nghiệm” là đi tìm các điều kiện khả thể của kinh nghiệm, hay của mọi nhận thức, còn “nhận thức Siêu nghiệm” là lý luận (học thuyết) về khả thể của nhận thức tiên nghiệm. Trong “Sơ luận” (Prolegomena, Phụ lục), Kant viết: “Chữ *transzendental* (siêu nghiệm) không có nghĩa là cái gì vượt ra khỏi mọi kinh nghiệm mà là cái gì tuy **đi trước** (*vorhergeht*) kinh nghiệm (tức *a priori*/tiên nghiệm) nhưng không có nhiệm vụ gì khác hơn là **chỉ** làm cho nhận thức kinh nghiệm có thể có được. Nếu những khái niệm [tiên nghiệm] này vượt ra khỏi kinh nghiệm thì sự sử dụng chúng bấy giờ gọi là **transzendent** (siêu việt)”⁽¹⁾. Như thế, chữ “siêu nghiệm” (*transzendental*) là trái nghĩa với chữ “thường nghiệm” (*empirisch*), song không phải theo nghĩa là “siêu-cảm tính” (*übersinnlich*) = siêu việt (*transzendent*) mà là không-thường nghiệm hay tiền-thường nghiệm.

Lý luận siêu nghiệm, như đã nói, là **học thuyết** về những điều kiện tiên nghiệm của nhận thức chúng ta (gồm Cảm năng học **siêu nghiệm**, Lô-gíc học **siêu nghiệm** và nói chung là triết học **siêu nghiệm**). Các đối tượng của học thuyết này như các quan năng nhận thức tương ứng (ví dụ: trí tưởng tượng siêu nghiệm mà ta sẽ gặp), bản thân các mô thức tiên nghiệm (trong hai môn Cảm năng học và Lô-gíc học kể trên) và cả chủ thể siêu nghiệm như là sự thống nhất siêu nghiệm của Thông giác (ta sẽ tìm hiểu ở 8.3) đều được gọi là **siêu nghiệm**.

Tuy trong sách này, Kant không trực tiếp dùng chữ “**phương pháp siêu nghiệm**” nhưng ta hiểu tinh thần cốt lõi của phương pháp này là: điểm xuất phát của triết học không phải là **kinh nghiệm** được chấp nhận một cách ngây thơ về những đối tượng được mang lại một cách cảm tính mà là sự **phản tư** về chủ thể nhận thức và về **những điều kiện** nằm bên trong chủ thể về khả thể của nhận thức khách quan. Vì Kant cho rằng các **điều kiện tiên nghiệm** này chỉ có thể được dùng để “cấu tạo” nên những đối tượng như là “**hiện tượng**” thôi nên phương pháp siêu nghiệm sẽ dẫn ông đến **thuyết duy tâm siêu nghiệm** hay thuyết phê phán siêu nghiệm (*Kritizismus*) như ta sẽ thấy.

Vậy, “**điều kiện khả thể của nhận thức**” là gì ?

“**Điều kiện khả thể của nhận thức**” thật ra có nhiều loại. Khi nhìn một người hành khất đói khổ đang ngồi bên vệ đường, ta cần nhiều “điều kiện khả thể” để “nhận thức” hiện tượng này: nào là điều kiện khả thể về sinh lý tức đôi mắt; điều kiện tâm lý của sự miễn cảm đưa đến lòng xúc động và cần rút lương tâm; điều kiện đạo lý, xã hội hay tôn giáo của lòng vị tha và các nguyên tắc bình đẳng, từ bi, bác ái v.v... Nhưng, tất cả các điều kiện ấy đều

⁽¹⁾ Đó cũng là ý nghĩa của câu định nghĩa rất khái quát ở trong B25 trong Lời dẫn nhập này: “Tôi dùng chữ “**Siêu nghiệm**” để chỉ mọi thứ nhận thức không bàn về các đối tượng mà về **Phương cách nhận thức** (*Erkenntnisart*) của ta về đối tượng, trong chừng mực phương cách ấy có thể có được một cách tiên nghiệm”.

có tính **thường nghiệm** và Kant không quan tâm. Lý do là vì: điều kiện thường nghiệm (ví dụ: điều kiện khả thể về sinh lý như mắt hay đại não) bản thân là một đối tượng có thể **“kinh nghiệm được”** nên không thể lại là điều kiện khách quan cho khả thể của kinh nghiệm thường nghiệm ! Và lại, về nguyên tắc, cũng không thể loại trừ khả năng có những sinh vật không có mắt hay đại não vẫn có thể có **“kinh nghiệm”**. Khác với điều kiện thường nghiệm, điều kiện siêu nghiệm cho biết phải thỏa ứng những điều kiện tiên quyết nào để một đối tượng nói chung mới có thể được nhận thức **như một đối tượng**. Nói khác đi, các điều kiện siêu nghiệm không chỉ đề ra các điều kiện khả thể cho việc nhận thức những đối tượng thường nghiệm mà còn đồng thời giải thích **khả thể** của những đối tượng của kinh nghiệm nói chung. Đó chính là **bước ngoặt nhận thức luận** của Kant đối với khái niệm đối tượng

của môn Bản thể học truyền thống⁽¹⁾.

Điều Kant bàn ở đây là điều kiện **siêu nghiệm** có trước mọi kinh nghiệm, hay như ông định nghĩa rõ hơn ở trang B80: “không phải bất kỳ nhận thức tiên nghiệm nào cũng là siêu nghiệm, trái lại chỉ những nhận thức tiên

⁽¹⁾ Mở rộng vấn đề hơn như ta sẽ bàn trong 9.6.4, trong quan niệm của Kant về phương pháp siêu nghiệm, **chân trời** của những đối tượng **khả hữu** (có thể có được) cho con người bao giờ cũng là **hữu hạn (endlich)**, còn những đối tượng **khả niệm** (có thể suy tưởng được) thì dành cho các ý niệm điều hành (regulativ) của lý tính như là sự định hướng, kích thích nghiên cứu (heuristisch) và cho lý tính thực hành (đạo đức). Trái lại, trong thuyết duy tâm sau Kant (Fichte, Hegel), chủ thể siêu nghiệm lại được hiểu là **cơ sở nguyên thủy (Urgrund)** của tất cả và, do đó, sự phân biệt của Kant giữa **hiện tượng** và **vật-tự thân** (hay ranh giới của các điều kiện siêu nghiệm) không còn nữa. Trong quan niệm này, chủ thể siêu nghiệm – ngay cả khi được hiện thực hóa nơi con người – vẫn xuất hiện ra như là **vô hạn (unendlich)**. Trong khi đó, **J. Maréchal** (Le point de départ de la métaphysique, 1926) và các nhà tư tưởng Thiên chúa giáo theo ông thì đồng thời khẳng định tính hữu hạn của chủ thể con người lẫn tính vô hạn của chân trời hữu thể do con người khám phá. Cũng thế, đối với khái niệm **“transzendent” (siêu việt)**, nếu Kant hiểu nó đồng nghĩa với “siêu-cảm tính”, “siêu-nhiên”, “siêu-thể gian”, “không thể nhận thức được” (vượt khỏi mọi khả thể của các điều kiện siêu nghiệm) thì trong triết học hiện sinh, “cái siêu việt” (das Transzendenz) lại được “tái phát hiện” theo nghĩa mới: **Karl Jaspers (Philosophie, tập III, 1932)** nói về “Hữu thể” (Sein) như là về cái “Bao trùm” (das Umgreifende/Lê tôn Nghiêm dịch là “Bao dung thể”) và để cho “hiện sinh” của con người được cấu tạo bởi cái siêu việt thể ấy, nghĩa là thông qua sự tự-khai mở của nó đến cái Tuyệt đối. **Martin Heidegger (Von Wesen des Grundes, 1931)** xem Siêu Việt như là sự “vượt lên” của hiện thể cá biệt đến “Thế giới – nói chung”, đến **cái** hiện thể-trong-toàn-bộ, thậm chí đến “Hữu thể” (**das Sein**) cho dù vẫn không bao giờ xác định được “Hữu thể” là gì. Như thế, tất cả các nỗ lực ấy (thuyết duy tâm tuyệt đối, tôn giáo, thuyết hiện sinh...) rõ ràng là muốn **“đi ra khỏi”** Kant chứ không phải là các cách lý giải khác nhau **“về”** Kant.

nghiệm cho ta biết **tại sao** và **bằng cách nào** một số biểu tượng (trực quan hay khái niệm) chỉ có thể có được và chỉ được áp dụng một cách tiên nghiệm mới được gọi là siêu nghiệm. Vậy, **siêu nghiệm là khả thể tiên nghiệm của nhận thức và việc sử dụng tiên nghiệm nhận thức ấy**". Rõ hơn nhưng cũng chưa dễ hiểu hơn, nên ta cần chịu khó đi sâu phân tích thêm chút nữa.

3.5.2 **“Không phải bất kỳ nhận thức tiên nghiệm nào cũng là siêu nghiệm”**: Các khoa học tuy chứa đựng toàn các nhận thức tiên nghiệm (toán học) hay một số yếu tố tiên nghiệm (khoa học tự nhiên) nhưng không phải là triết học siêu nghiệm. Vì sao? Ta chú ý, với hai câu hỏi **“tại sao và bằng cách nào”** ở câu trích dẫn trên, Kant vạch rõ hai nhiệm vụ song hành của nhận thức đúng nghĩa là “siêu nghiệm”.

- trước hết, nhận thức siêu nghiệm phải chứng minh rằng quả thật có một số biểu tượng “không có nguồn gốc thường nghiệm” (B81), tức là tiên nghiệm (như mô thức của trực quan: không gian và thời gian và các khái niệm thuần túy của giác tính, – các phạm trù – như ta sẽ biết).
- thứ hai, chứng minh các biểu tượng tiên nghiệm ấy **có thể và bằng cách nào** “quan hệ được với các đối tượng của kinh nghiệm” một cách tiên nghiệm.

Do đó, với **nhiệm vụ thứ nhất**, cần gạt bỏ mọi tiền đề thường nghiệm dù quan trọng đến đâu ra khỏi việc nghiên cứu siêu nghiệm, vì chỉ có nhận thức không-thường nghiệm về chính kinh nghiệm mới là siêu nghiệm.

Với **nhiệm vụ thứ hai**, ta biết các mệnh đề toán học và khoa học tự nhiên là những phát biểu về **đối tượng**, nhưng không phải thuộc về lý luận siêu nghiệm, vì siêu nghiệm là những **tiền đề sâu hơn**, không có tính toán học hay vật lý học nhưng luôn có mặt và tác động mỗi khi ta nghiên cứu toán học và khoa học tự nhiên. Cần hiểu rõ cả hai mặt ấy ta mới nắm được nội dung của từ **“siêu nghiệm”** theo như Kant hiểu. Từ nội dung này, ta sẽ dễ hiểu tại sao trong phần Cẩm nang học siêu nghiệm và Phân tích pháp siêu nghiệm nghiên cứu về các yếu tố cơ bản của nhận thức, Kant luôn đi hai bước: bước 1: **“khảo sát siêu hình học”** nhằm phát hiện sự tồn tại của những yếu tố tiên nghiệm trong chủ thể nhận thức (“Siêu hình học” là môn học về “tồn tại”!) và bước 2: **“khảo sát siêu nghiệm”** hay **“diễn dịch siêu nghiệm”** theo nghĩa chặt chẽ là xem các biểu tượng tiên nghiệm ấy **nhất thiết** phải được áp dụng và áp dụng **bằng cách nào** vào đối tượng để có được nhận thức khách quan.

Thật vậy, như đã thấy trên kia, ta có **những phán đoán hậu nghiệm** về những đối tượng thường nghiệm (ví dụ: quả táo màu đỏ; vật thể rơi theo luật rơi). Những phán đoán này có thể kiểm chứng bằng cách khảo sát đối tượng. Ngược lại, những **phán đoán siêu nghiệm** lại đòi hỏi có giá trị tiên nghiệm đối với kinh nghiệm, tức độc lập với kinh nghiệm cảm tính. Chúng không liên quan đến những đối tượng thường nghiệm mà đến các điều kiện **tất yếu** cho việc nhận thức đối tượng. Trong chừng mực đó, chúng giống với các

phán đoán lô-gíc vì đều có thể được nhận thức một cách **tiên nghiệm**. Nhưng, trong khi việc phủ định một phán đoán đúng về mặt lô-gíc là tự-mâu thuẫn thì điều này lại không áp dụng được cho phán đoán siêu nghiệm ! (ví dụ về phán đoán siêu nghiệm: “Nếu ánh nắng mặt trời chiếu vào hòn đá và làm nó nóng lên thì quan hệ nhân quả này chỉ có thể có được với điều kiện mọi đối tượng của kinh nghiệm đều phục tùng quy luật nhân quả”). Việc phủ nhận phán đoán này là **không** tự-mâu thuẫn. Bởi vì, nói như Kant, phán đoán lô-gíc là phán đoán phân tích-tiên nghiệm, còn ngược lại, phán đoán siêu nghiệm là tổng hợp-tiên nghiệm. Vậy, tính đúng, sai của phán đoán siêu nghiệm không thể giải quyết bằng việc **phân tích** lô-gíc như trong phán đoán lô-gíc mà phải bằng con đường khác. Đây sẽ là phần khó khăn nhất (và cũng khó hiểu nhất) để chứng minh tính giá trị khách quan của những phán đoán siêu nghiệm (cũng tức là của các mô thức tiên nghiệm: các phạm trù) được Kant đặt tên là “**sự diễn dịch siêu nghiệm về các khái niệm thuần túy của giác tính**” mà ta sẽ tìm hiểu sau. (Xem: 8.3).

- 3.5.3 Nhận thức siêu nghiệm không làm tăng thêm kiến thức về đối tượng vì “**sự phân biệt siêu nghiệm-thường nghiệm chỉ thuộc về công việc phê phán các loại nhận thức chứ không nói đến mối quan hệ giữa các nhận thức này với đối tượng của chúng**” (B81).

Do đó, phê phán siêu nghiệm khác với các khoa học cụ thể, với các khoa học cơ bản lẫn các lý luận về khoa học. Nếu **khoa học cụ thể** nghiên cứu về một loại đối tượng nhất định; **khoa học về nền tảng** (Grundlagewissenschaft) nghiên cứu các khái niệm nền tảng của khoa học ấy, còn **lý luận khoa học** (Wissenschaftstheorie) làm sáng tỏ việc hình thành các khái niệm và phương pháp nghiên cứu, thì **phê phán siêu nghiệm** đặt câu hỏi triệt để hơn: về nguyên tắc, tất cả các công việc ấy có thể làm được không? Nó không xét các mệnh đề khoa học là đúng hay sai mà hỏi: liệu có thể có một mối quan hệ khách quan và đúng đắn với đối tượng nghiên cứu hay không và nếu có thì như thế nào? Nó xét xem tại sao và bằng cách nào chân lý của nhận thức về đối tượng – có tính tất yếu và phổ biến – không rơi vào mâu thuẫn và nghịch lý.

Kant gọi Phê phán siêu nghiệm là đi tìm “**Lô-gíc học của chân lý**” (B87). Điều này không có nghĩa là đi tìm ý nghĩa của chân lý hay các tiêu chuẩn của chân lý. Ở phần đầu của quyển Phê phán), ông đặt vấn đề nguyên tắc về khả thể của chân lý và về các đối tượng khách quan nói chung tại sao chúng lại cho phép ta đưa ra được các phán đoán hợp với chân lý. Ở đây, Kant lấy lại định nghĩa truyền thống về chân lý là sự trùng hợp (tương ứng) giữa tư duy và đối tượng, nhưng theo tinh thần “cách mạng Copernic”, đối tượng không phải là cái Tự thân, độc lập với chủ thể nhận thức mà được cấu tạo thông qua các điều kiện tiên nghiệm của chủ thể.

Nhận thức về các điều kiện tiên nghiệm của nhận thức đồng thời là nhận ra các giới hạn của bản thân nhận thức. Cho nên theo Kant, lợi ích đầu tiên của phê phán lý tính là có tính “**tiêu cực, phủ định**”, nó không nhằm mở rộng mà nhằm “**làm trong sạch lý tính**” (B25).

3.5.4 Mục đích của **sự Phê phán siêu nghiệm**, như đã nói, “không phải là mở rộng mà là điều chỉnh và hướng dẫn nhận thức, lấy đó làm tiêu chuẩn để kiểm tra mọi nhận thức tiên nghiệm xem có giá trị hay không” (B26). Nó là bước chuẩn bị cần thiết để xây dựng hệ thống hoàn chỉnh về lý tính thuần túy – tức là Siêu hình học – mà Kant gọi là “**Triết học siêu nghiệm**”. Triết học siêu nghiệm, tức học thuyết về Siêu hình học đã được “điều chỉnh” theo phương pháp mới, chỉ có thể hình thành sau khi việc phê phán siêu nghiệm (nhiệm vụ chính của quyển Phê phán này) đã giải quyết về nguyên tắc các điều kiện khả thể của nó. Kant nhấn mạnh: “Phê phán lý tính thuần túy nghiên cứu những gì tạo nên Triết học siêu nghiệm, nó là **ý niệm toàn diện** về Triết học siêu nghiệm nhưng **chưa phải là** bản thân môn khoa học này vì nó chỉ làm công việc phân tích trong mức độ cần thiết để hiểu được đầy đủ nhận thức tổng hợp tiên nghiệm (B28).

Từ việc phát hiện các yếu tố tiên nghiệm trong “Phê phán siêu nghiệm”, **triết học siêu nghiệm sẽ là hệ thống tất cả các nguyên tắc của lý tính thuần túy**, triển khai các yếu tố ấy một cách toàn diện trong lãnh vực nhận thức tự nhiên và nhất là trong sinh hoạt đạo đức ⁽¹⁾.

3.5.5 Ở trên, Kant nói đến “**ý niệm** toàn diện về triết học siêu nghiệm” vì trước đó ông đã nêu: “Triết học siêu nghiệm là ý tưởng, hay đúng hơn là bản thân **ý niệm (Idee)** về một khoa học mà sự Phê phán lý tính thuần túy (này) chỉ là sự phác họa toàn bộ kế hoạch một cách kiến trúc (architektonisch), tức là bao gồm các nguyên tắc đảm bảo sự hoàn chỉnh và vững chắc trong mọi bộ phận

(1) Thật ra, phạm vi chính xác của “Triết học-siêu nghiệm” và nhất là quan hệ của nó với một bên là đề án “Phê phán lý tính thuần túy” và bên kia là với Siêu hình học vẫn còn khá mơ hồ và không ít mâu thuẫn vì Kant phát biểu không thống nhất. Mấy điểm chưa thật rõ là:

- bản thân “Phê phán lý tính thuần túy” đã là một **bộ phận** (tuy chưa phải là “hệ thống hoàn chỉnh”) của Triết học-siêu nghiệm (B25; B27) hay chỉ là phần “dự bị” (“Vorübung”) còn toàn bộ hệ thống sẽ đến sau? (B869). (tiếp trang sau)
- Triết học-siêu nghiệm chỉ là một bộ phận của Siêu hình học (B873) hay toàn bộ Siêu hình học đều là Triết học-siêu nghiệm (B508)?
- Nếu Triết học-siêu nghiệm chứa đựng **tất cả mọi** phán đoán tổng hợp-tiên nghiệm (B25), tại sao nó không bao gồm cả toán học (B508) mà chỉ giải thích “khả thể” của toán học (B761) thôi? Còn “Siêu hình học về đức lý” (Metaphysik der Sitten), tức triết học đạo đức và pháp quyền, cũng được tính chung vào Triết học-siêu nghiệm? Vị trí quyển “Những cơ sở siêu hình học đầu tiên của khoa học tự nhiên” (Metaphysische Anfangsgründe der Naturwissenschaft, 1786) được xác định như thế nào khi trong LỜI tựa II (1787), Kant vẫn còn hứa hẹn sẽ cho ra đời “Siêu hình học về tự nhiên”, điều không hề được thực hiện? Dù sao, ta chỉ cần ghi nhớ rằng, với Kant, Triết học-siêu nghiệm là môn Siêu hình học **nền tảng (fundamental)** mà ông muốn xây dựng.

để tạo nên Tòa nhà triết học này” (B27). Vậy “**ý niệm về một khoa học**” là gì? Ta dừng lại một lát để tìm hiểu điều Kant muốn nói qua thuật ngữ quan trọng này:

“**ý niệm về khoa học**” là sự đòi hỏi có được nhận thức khách quan. Đòi hỏi này thường bị các nhà hoài nghi từ thời cổ đại cho đến David Hume bác bỏ vì theo họ, nhận thức khách quan theo nghĩa phổ quát và tất yếu là không thể có được. Trước tình hình đó, xuất phát từ một “lý tưởng” khoa học ở thời đại ông, Kant đặt nhiệm vụ cho công cuộc Phê phán siêu nghiệm là đi tìm các điều kiện, hay theo cách nói quen thuộc của ông, “**cơ sở hợp pháp và chính đáng**” (**Rechtsgrund**) cho tính khách quan khoa học. Nếu việc đi tìm các điều kiện này đạt được kết quả thì đòi hỏi về nhận thức khách quan sẽ có cơ sở chính đáng (legitim). Việc phát hiện ra các điều kiện này (theo Kant đó là các mô thức thuần túy của trực quan trong “Cảm năng học siêu nghiệm” và các khái niệm thuần túy – phạm trù – cũng như các nguyên tắc của giác tính trong “Lô-gíc học siêu nghiệm”) sẽ cho thấy nhận thức khách quan là có cơ sở.

Cách làm của ông như sau: ông không làm theo kiểu “giáo điều” tức khẳng định ngay từ đầu các điều kiện tiên nghiệm, trái lại theo phương pháp “hoài nghi” là đặt câu hỏi liệu chúng có thể có không, rồi lần theo các “manh mối” (Leitfaden) để đi tìm. Rút cục ông chứng minh: dựa trên các trực quan thuần túy, các phạm trù và các nguyên tắc đã phát hiện được, cho thấy nhận thức khách quan (tất yếu và phổ quát) là khả hữu và chỉ khả hữu trong phạm vi kinh nghiệm thôi. Như vậy, không phải Kant xuất phát từ sự tồn tại khách quan của toán học và khoa học tự nhiên (thuần túy) – như phái Kant mới diễn giải – để chứng minh (vì như vậy là “giáo điều”), trái lại, phê phán siêu nghiệm có nhiệm vụ đặt cơ sở cho nhận thức khách quan, trong đó có toán học và khoa học tự nhiên. Các môn học ấy không phải là tiền đề mà là kết luận, không phải là cơ sở của chứng minh mà là mục đích của chứng minh.

Ở đây, “**nhận thức khách quan**” hay “**tính khách quan của nhận thức**” cũng có hai nghĩa đan xen nhau: tính khách quan là kết quả của việc nhận thức thế giới hiện thực, nó có giá trị phổ biến và tất yếu cho mọi người, tức có giá trị liên-chủ thể (intersubjektiv). Nhưng muốn vậy, tính khách quan phải quan hệ với các đối tượng có thật, chứ không phải với ảo tưởng và các “sản phẩm hoang đường của đầu óc ta”. ý nghĩa sau quyết định và là tiền đề cho ý nghĩa trước nên Kant tập trung nghiên cứu về nó.

Tóm lại, “**ý niệm về khoa học**” có tính tất yếu và phổ biến của Kant gây ảnh hưởng sâu đậm trong lịch sử triết học Tây phương, kể cả trong các trường phái ngày nay không còn chia xẻ phương pháp và kết quả của ông nữa (chẳng hạn K.R.Popper với thuyết duy lý phê phán) khi cho rằng về nguyên tắc, các khoa học – nhất là khoa học tự nhiên – đều có thể và có quyền sai lầm (fallibel), còn cộng đồng các nhà khoa học vẫn đi tìm chân lý nhưng không hề biết chắc nó có hay không. Dù sao, họ vẫn chia xẻ tư tưởng nền tảng của Kant về sự phê phán, về việc cần thiết phải phát hiện và loại bỏ các ảo tưởng, sai lầm và giữ sự phê phán được “trong sạch” khỏi mọi khẳng quyết “giáo điều”.

4 NHÌN LẠI “MỤC LỤC” QUYỂN SÁCH

Giống như khi mới tậu một chiếc xe hay một máy hát, ta mở “catalog” để xem nó gồm những bộ phận nào, được lắp ráp và sử dụng ra sao. Nhìn “mục lục” chi tiết dài dằng dặc ở đầu sách, ta thấy hoang mang và nản lòng hơn là sáng tỏ. Cho nên, trước khi thực sự bước vào nội dung quyển sách, nên phác họa một “mục lục” ngắn gọn, sáng sủa hơn: Quyển sách gồm 2 phần chính:

I. Học thuyết siêu nghiệm về các yếu tố cơ bản của nhận thức

II. Phương pháp học siêu nghiệm

Hai phần khác xa nhau về độ dày (700 trang so với hơn 100 trang) nhưng không vì thế mà xem Phần 2 chỉ là phụ lục, không quan trọng. Trái lại mỗi phần có nhiệm vụ riêng, đều quan trọng như nhau và không được lướt qua như thói quen dễ phạm phải khi đọc quyển “Phê phán” này. Bằng ví dụ đơn giản như khi xây một ngôi nhà, Kant đã giới thiệu rất rõ nhiệm vụ của mỗi phần. Phần đầu là tìm kiếm và kiểm tra chất lượng của các loại vật liệu; phần sau là lên đồ án xây dựng ngôi nhà chỉ từ các vật liệu ấy (B735). Siêu hình học cổ truyền muốn xây một “tòa tháp chọc trời cao tận mây xanh” nhưng không chịu bỏ công chọn lựa và kiểm tra cận kề vật liệu, nên Phần 1 phải làm công việc ấy một cách rất vất vả và tỉ mỉ.

4.1 **Phần 1** (Học thuyết siêu nghiệm về các yếu tố cơ bản của nhận thức): Tìm kiếm và kiểm tra các loại “vật liệu” của nhận thức sau đây:

1. **Cảm năng học siêu nghiệm:** hai chương: về không gian và về thời gian: hai “vật liệu” chính của cảm năng, tức 2 mô thức thuần túy của trực quan cảm tính, trụ cột thứ nhất của nhận thức.
2. **Lô-gíc học siêu nghiệm:** hai nhóm vật liệu khác:
 - a) **Phân tích pháp siêu nghiệm:** tìm kiếm các vật liệu chính của **giác tính**: các Phạm trù (còn gọi là “các khái niệm thuần túy của giác tính”) và các Nguyên tắc, trình bày thành 2 “quyển”: “Phân tích pháp các khái niệm” và “Phân tích pháp các Nguyên tắc”, trụ cột thứ hai của nhận thức. Chỉ các loại vật liệu trên là đủ chất lượng để xây dựng tòa nhà nhận thức trong phạm vi kinh nghiệm. Còn loại vật liệu thứ ba sau đây là rất khả nghi:
 - b) **Biện chứng pháp siêu nghiệm:** kiểm tra loại vật liệu đặc biệt của **lý tính**: các ý niệm. Chúng đã được Siêu hình học “giáo điều” sử dụng tùy tiện để xây nên ba tòa nhà lộng lẫy nhưng thiếu vững chắc: Tâm lý học thuần lý (làm nảy sinh “các võng luận tâm lý học”); Vũ trụ học thuần lý (nảy sinh các “nghịch lý của lý tính thuần túy”) và Thần học thuần lý (nâng ý niệm lên thành “ý thể” tạo ra ba luận cứ thiếu cơ sở nhằm chứng minh sự tồn tại của Thượng đế). Sau khi kiểm tra, phê phán, Kant đề ra phương pháp để giải quyết: các ý niệm của lý tính không thể **cấu tạo nên** nhận thức khách quan, nhưng vẫn có ý nghĩa quan trọng và chỉ được dùng để **định hướng** (regulativ) và **thúc đẩy** (heuristisch) nhận

thức trong nghiên cứu tự nhiên và là các “định đề” trong sinh hoạt đạo đức.

4.2 **Phần 2** (Phương pháp học siêu nghiệm): Nói dễ hiểu, sau khi có vật liệu, việc xây dựng ngôi nhà cần làm rõ:

- những gì lý tính không được phép làm (Kỷ luật học)
- những gì lý tính có thể làm (Bộ chuẩn tắc)
- những gì lý tính cần làm và sẽ làm (Kiến trúc học của lý tính thuần túy)
- những gì lý tính đã làm cho đến nay (Lịch sử của lý tính thuần túy).

Cũng chính trong phần này, Kant gieo những hạt giống đầu tiên cho triết học thực hành, tức Đạo đức học sẽ được ông bàn kỹ trong các tác phẩm khác. (“Đặt cơ sở cho Siêu hình học về đức lý” và “Phê phán lý tính thực hành”).